

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 8 - 2022
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn,
2. Ông Nguyễn Tấn Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 234/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 286/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 263/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Cẩm N, sinh năm 1989;

Hộ khẩu thường trú: Số 320/137, khóm H1, phường Th, thành phố X, tỉnh An Giang;

Tạm trú: Số 73/4, khóm H1, phường Th, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1982;

Cư trú: Số 320/137, khóm H1, phường Th, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa bà N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phan Thị Cẩm N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà N và ông Nguyễn Hữu L tự nguyện quen biết tìm hiểu sau đó tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố X. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông L thường xuyên uống rượu say xỉn, về nhà gây gỗ chửi mắng vợ con, không quan tâm chăm sóc vợ con, bà N đã nhiều lần khuyên can và cho ông L nhiều cơ hội nhưng ông L không thay đổi. Đến tháng 11 năm 2018 thì bà N mới đưa các con về nhà cha mẹ đẻ của bà để sống, từ đó bà N và ông L sống ly thân cho đến nay. Hiện nay tình trạng hôn nhân rất trầm trọng, bà N không thể chịu đựng được nữa, không thể chung sống được. Nay bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn và kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông L.

Về con chung: Quá trình chung sống bà N và ông L 02 con chung là Nguyễn Tấn P sinh ngày 03 tháng 03 năm 2010 và Nguyễn Thị Ngọc G sinh ngày 27 tháng 10 năm 2011. Sau khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu L trình bày: Không cung cấp ý kiến và tài liệu, chứng cứ có liên quan cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng đương sự vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến.

- Ông L vắng mặt và không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ có liên quan cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: bà N và ông L kết hôn có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì bà N, ông L phát sinh mâu thuẫn, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc như bà N trình bày. Từ năm 2018, bà N và ông L đã sống ly thân. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông L mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình; mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà N là có cơ sở để chấp nhận theo Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung thì bà Lợi, ông Ngân có 02 con chung là cháu P, sinh năm 2010 và cháu G, sinh năm 2011 bà N đang nuôi dưỡng, hai cháu cũng có nguyện vọng sống chung với bà N; do đó nhằm đảm bảo ổn định về mặt tinh thần cũng như đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên giao các con chung cho bà N chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: ông L không phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Phan Thị Cẩm N và ông Nguyễn Hữu L kết hôn có đăng ký kết hôn; bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, còn ông L là người có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà N và ông L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà N và ông L tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố X. Bà N cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng xuất phát từ việc bất đồng ý kiến trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, ông L thường xuyên uống rượu say xỉn, về nhà chửi mắng vợ con, không quan tâm chăm sóc vợ con. Xét thấy: Để

cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng theo lời khai của bà N thì ông L không quan tâm chăm sóc vợ con, kiên quyết xin ly hôn. Về phía ông L, quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, cũng như mở phiên tòa lần thứ hai nhưng ông L vẫn vắng mặt và không có ý kiến, điều này thể hiện ông L không có nguyện vọng đoàn tụ. Mặt khác, ông L đã không còn chung sống với bà N và các con từ lâu. Những vấn đề này thể hiện mâu thuẫn của bà N và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: bà N xác định bà và ông L có hai con chung là cháu Nguyễn Tấn P sinh ngày 03 tháng 03 năm 2010 và cháu Nguyễn Thị Ngọc G sinh ngày 27 tháng 10 năm 2011. Bà N có yêu cầu sau khi ly hôn, bà được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: ông L không cung cấp ý kiến về con chung và vấn đề cấp dưỡng cho con, hiện nay cháu Tấn P và cháu Ngọc G cũng không sinh sống cùng ông L đã lâu mà hiện nay do bà N nuôi dưỡng; các cháu đều thể hiện nguyện vọng mong muốn được tiếp tục sống chung với bà N. Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của các cháu, tạo điều kiện cho các cháu P triển bình thường; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N về vấn đề con chung, nuôi dưỡng và cấp dưỡng cho con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông L cũng không cung cấp ý kiến về các vấn đề này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí: bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 238; 266; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 19; 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Bà Phan Thị Cẩm N được ly hôn với ông Nguyễn Hữu L.

2. Về con chung:

Bà Phan Thị Cẩm N và ông Nguyễn Hữu L có hai con chung là Nguyễn Tấn P sinh ngày 03 tháng 03 năm 2010 và Nguyễn Thị Ngọc G sinh ngày 27 tháng 10 năm 2011. Bà Phan Thị Cẩm N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tấn P và cháu Nguyễn Thị Ngọc G.

Bà Phan Thị Cẩm N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Hữu L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có thể thay đổi theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Hữu L không phải cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Tấn P và cháu Nguyễn Thị Ngọc G.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng cho con chung có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Không xem xét.

4. Về án phí:

Bà Phan Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001341 ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X; - Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X; - UBND p. Th, tp. X;
- (GCNKH số 271 ngày 30/12/2008)
- Văn phòng; - Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang

